

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/6/2024.

*“V/v Ly hôn tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

Ông Bùi Văn Cuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đào, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05/3/2024, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-HN, ngày 07/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐST-HN, ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ 02, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị N xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2000 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, anh và chị N có quen nhau khoảng 01 tháng, không tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới bán hết

không còn. Sau khi kết hôn chị N về bên anh sống và cất nhà ở riêng, đến năm 2022 chị N bắt đầu tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, anh khuyên chị N nhiều lần phải từ bỏ, nhưng chị N không nghe mà tiếp tục tham gia chơi, kết quả bị thua hết tiền, vàng do anh và các con làm ra, anh giận quá có đánh chị N vài bạc tay, đến tháng 12 năm 2022 chị N tự ý bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, anh không rõ địa chỉ nên không liên lạc được, đến tháng 9 năm 2023 anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, do không tìm được địa chỉ của chị N nên anh rút đơn và Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đến ngày 23 tết âm năm 2024 chị N mới trở về nhà sinh sống cho đến nay. Do thời gian ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay quá lâu nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Kim N.

- *Về nuôi con tên:* Trần Thị Phương T, sinh ngày 26/7/2001 (đã thành niên, hiện có việc làm nên không đặt ra yêu cầu giải quyết); đối với con tên Trần Thị Phương T1, sinh ngày 12/4/2007 (có nguyện vọng sống với mẹ) anh chấp thuận theo nguyện vọng của con là được sống cha hay sống với mẹ thì người đó nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa lần thứ 02, bị đơn chị Trần Thị Kim N vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn L, xử cho anh L được ly hôn với chị Trần Thị Kim N; giao con tên Trần Thị Phương T1, sinh ngày 12/4/2007 cho chị N được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc anh Trần Văn L nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Trần Thị Kim N là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ 02, chị Trần Thị Kim N vắng mặt không có lý do. Căn cứ

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh L khởi kiện chị N yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, anh đồng ý giao con tên Trần Thị Phương T1, sinh ngày 12/4/2007 cho chị N nuôi dưỡng khi ly hôn, ngoài ra anh L không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh L và chị N xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2000 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Anh L khai: Sau khi kết hôn chị N về bên anh sống và cất nhà ở riêng, đến năm 2022 chị N bắt đầu tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, anh khuyên chị N nhiều lần phải từ bỏ, nhưng chị N không nghe mà tiếp tục tham gia chơi, kết quả bị thua hết tiền, vàng do anh và các con làm ra, anh giận quá có đánh chị N vài bạt tay, đến tháng 12 năm 2022 chị N tự ý bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, anh không rõ địa chỉ nên không liên lạc được, đến tháng 9 năm 2023 anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, do không tìm được địa chỉ của chị N nên anh rút đơn và Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đến ngày 23 tết âm năm 2024 chị N mới trở về nhà sinh sống cho đến nay. Do thời gian ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay quá lâu nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Kim N.

Đối với chị Trần Thị Kim N: Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị N nhận để chị N tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chị N đều vắng mặt không có lý do, tại bản tự khai chị N trình bày không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không đưa ra được hướng đoàn tụ vợ chồng để hàn gắn xây dựng gia đình hạnh phúc, chị cũng không đến Tòa án trình bày thể hiện ý chí của mình về quan hệ hôn nhân mà anh L khởi kiện, Tòa án 02 lần mở phiên họp hòa giải đoàn tụ vợ chồng, kết quả không tiến hành hòa giải được, lý do chị N đều vắng mặt không có lý do, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần 01 vào ngày 21/5/2024 và mở phiên tòa xét xử lần 02 vào ngày 03/6/2024 chị N đều vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị N xảy ra từ tháng 12 năm 2022 đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, tính đến nay đã ly thân gần 18 tháng, tại phiên tòa anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với chị N,

từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị N là đúng quy định của pháp luật.

- *Về quyền nuôi con:*

+ Đối với con tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 26/7/2001 (đã thành niên, đang đi làm Công ty M nên không đặt ra yêu cầu giải quyết).

+ Đối với con tên Trần Thị Phương T1, sinh ngày 12/4/2007, tại bản tự khai T1 có nguyện vọng được sống với mẹ, tại bản tự khai chị N cũng đồng ý nuôi con là phù hợp với ý kiến của anh L là chấp thuận theo nguyện vọng của con là được sống với mẹ. Để Trần Thị Phương T1 có cuộc sống ổn định, nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần. Hội đồng xét xử giao Trần Thị Phương T1 cho chị N được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:*

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 228; 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn L.

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Trần Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Kim N.

- *Về quyền nuôi con:*

+ Chị Trần Thị Kim N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Thị Phương T1, sinh ngày 12/4/2007 khi ly hôn.

+ Anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc anh Trần Văn L nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001129, ngày 26/02/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Trần Văn L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Anh Trần Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Chị Trần Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày chị nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm